

# Sự vận động của nhóm xã hội đa nghề nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn đồng bằng sông Hồng

LÊ THỊ MAI

Đồng bằng sông Hồng là vựa lúa lớn thứ hai của cả nước, là cái nôi văn minh của dân tộc Việt. Nơi đây đã từng tồn tại hàng nghìn năm thiết chế văn hóa làng xã và tập quán sản xuất nông nghiệp gắn bó chặt chẽ với các nghề thủ công lúc nông nhàn. Bước đi của công cuộc cải cách nông thôn đồng bằng sông Hồng đầy kịch tính nhưng đúng hướng, hợp lòng dân, hợp qui luật đã thực sự làm thay đổi diện mạo các làng quê, kích thích sự phân hóa các nhóm xã hội-nghề nghiệp trong cộng đồng. Sức lao động được giải phóng, người nông dân đồng bằng sông Hồng thực sự làm chủ trong sản xuất trên mảnh ruộng của mình đã nhanh chóng đưa năng suất lúa lên cao chưa từng thấy. Họ hăng hái áp dụng tiến bộ khoa học, tìm hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi để tăng thu nhập. Những ngày nông nhàn họ ganh đua nhau làm giàu bằng việc mở mang các nghề phụ mới hoặc khôi phục các nghề thủ công truyền thống. Các nhóm xã hội-nghề nghiệp vốn chưa định hình rõ nét trong thời bao cấp, hợp tác xã nay dần dần có sự phân hóa rõ rệt. Các nhóm xã hội-nghề nghiệp này từ chỗ có thu nhập khác nhau dẫn đến vị thế khác nhau. Thực tế diễn ra ở đồng bằng sông Hồng cho thấy nhóm thuần nông thường nghèo, chỉ có một số hộ do thay đổi hợp lý cây trồng, vật nuôi nên có thu nhập khá. Nhóm phi nông đi chuyên sâu vào các dịch vụ thương mại hay sản xuất thủ công nghiệp có một số giàu lên nhanh nhưng chiếm tỷ lệ rất nhỏ và thường bấp bênh, kém ổn định. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến một nhóm xã hội vừa làm nông nghiệp, vừa buôn bán, dịch vụ hoặc làm thủ công nghiệp. Nhóm xã hội này chiếm một tỷ lệ khá lớn, có xu hướng vượt trội về thu nhập lại rất ổn định và có vị thế cao trong cộng đồng làng xã. Khi tiến hành đề tài “Nghiên cứu sự phân hóa giàu nghèo ở đồng bằng sông Hồng” (1995) chúng tôi gọi tên là nhóm xã hội đa nghề nghiệp. Chính sự xuất hiện phổ biến nhóm xã hội đa nghề nghiệp ở đồng bằng sông Hồng đã làm “nhiều loạn” bài toán xác suất thống kê dẫn đến sự ngộ nhận về tỷ lệ hộ nông nghiệp ở đây. Chúng tôi cho rằng đây là nét đặc thù của đồng bằng sông Hồng cần lưu ý khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế và xã hội học. Sở dĩ có nhóm xã hội đa nghề nghiệp với xu thế vượt trội nhiều mặt là vì: Thứ nhất, sau 40 năm vào hợp tác xã, người nông dân ở đây bắt đầu lập nghiệp hầu như không có tích lũy, điều kiện về đất đai, tài chính cũng như trình độ nghề nghiệp còn hạn chế chưa đủ khả năng tập trung vào một ngành nghề theo hướng sản xuất lớn. Thứ hai, tâm lý tập quán lâu đời đã ăn vào nếp nghĩ, cách làm của họ một quan niệm phải giữ lấy ruộng khoán để chắc ăn, không sợ đói lúc rủi ro. Thứ ba, bài học về những rủi ro lớn ở bộ phận sản xuất thủ công nghiệp của hợp tác xã trước đây do lối làm ăn tắc trách, của quyền của các công ty xuất khẩu nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ đã khiến người nông dân thêm cảnh giác, biết lo xa về những bấp bênh của kinh tế thị trường và họ thấy cần phải bám lấy mảnh ruộng để giữ miếng ăn thường nhật. Theo mạch suy nghĩ này chúng tôi đã điều tra một số nơi thuộc đồng bằng sông Hồng và nhận thấy lực lượng nhóm xã hội đa nghề nghiệp đang ngày càng phát triển.

Năm 1996 hai tỉnh Nam Định, Hà Nam có 320 xã, 605.433 hộ thì có đến 123 xã nhóm xã hội đa nghề nghiệp đã khôi phục được làng nghề truyền thống với 28.176 cơ sở sản xuất thủ công và 28.154 hộ vừa làm nông nghiệp vừa làm thêm nghề dệt vải sô, tơ tằm, thảm thêu, đan lát hoặc chế biến thực phẩm. Một số làng nghề mới xuất hiện như làng mộc Thanh

Hà, làng dệt vải Hải Thịnh, làng dệt chiếu Nghĩa Sơn... đều do các hộ giàu thuộc nhóm xã hội đa nghề nghiệp khởi xướng.

Điều tra ở Thái Bình cho thấy nhóm xã hội đa nghề nghiệp đã khôi phục được làng nghề ở 400 xã với 40.603 lao động, đặc biệt trong đó: Quỳnh Phụ có 6 làng nghề và 4.315 lao động, Hưng Hà có 7 làng nghề với 8.778 lao động, Đông Hưng có 4 làng nghề với 2.950 lao động, Vũ Thư có 5 làng nghề với 6.870 lao động, Kiến Xương có 8 làng nghề và 13.250 lao động, Thái Thụy có 8 làng nghề với 4.160 lao động. Đáng chú ý là 10 làng nghề mới xuất hiện ở Thái Bình mà tỷ lệ số hộ thuộc nhóm đa nghề rất cao như Vân Trường, Quang Trung, Việt Hùng..., ở các làng nghề mới này tuy quy mô sản xuất nhỏ nhưng khá sôi động, tiềm ẩn nhiều hứa hẹn.

Nghiên cứu nhóm xã hội đa nghề nghiệp ở đồng bằng sông Hồng những năm vừa qua thấy nổi lên rõ nét một đặc điểm là quy mô sản xuất từng hộ đều nhỏ nhưng lại quần tụ trong một làng nghề, tạo nên sức mạnh cạnh tranh đáng kể về một mặt hàng nhất định mà làng xã đó có bí quyết công nghệ riêng hay có những nghệ nhân lão luyện trong nghề. Nhóm xã hội đa nghề nghiệp đã thu hút lao động của nhóm thuần nông, đem lại việc làm cho người nghèo, đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương tạo nên một thị trường vốn và quan trọng hơn cả là giải quyết vấn đề việc làm, kích thích các nhóm xã hội trong cộng đồng làng xã làm giàu cho riêng mình, cho đất nước. Đương nhiên trong quá trình vận động phát triển, nhóm xã hội đa nghề nghiệp này tất yếu sẽ kéo theo và mở rộng khoảng cách của phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội ngày thêm sâu sắc. Cốt lõi của vấn đề là định hướng cho họ phát triển. Muốn làm được điều đó phải nghiên cứu kỹ và hiểu rõ, dự báo được quá trình vận động của nhóm xã hội đa nghề nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa nông thôn. Có rất nhiều góc nhìn để xem xét nó, theo chúng tôi chủ yếu là góc nhìn kinh tế bắt đầu từ nguồn lực và sử dụng tài nguyên đất, sau nữa là từ chiều sâu văn hóa và tập quán lâu đời của cư dân. Dưới đây là khái quát một vài điểm theo hai góc nhìn ấy.

### **1. Xét từ góc độ nguồn lực và sử dụng tài nguyên đất đai**

Đồng bằng sông Hồng là nơi đất chật người đông, dân số 16.343.800 người nhưng đất nông nghiệp chỉ có 864.700ha; đất lâm nghiệp 192.800ha; đất chuyên dùng 221.400ha; đất thổ cư 114.300ha và đất chưa sử dụng 324.800ha. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và đang xuất hiện những khu chế xuất: Thượng Lý (Hải Phòng); Nội Bài, Sài Đồng (Hà Nội)... càng làm cho diện tích đất canh tác nông nghiệp thu hẹp. Mặt khác, với sự mở rộng chòm đô thị quanh Hà Nội, các đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, Hà Nội-Hòa Lạc, Hà Nội-Nội Bài... cũng đang lấy đi hàng trăm ngàn ha đất nông nghiệp. Thực tế đặt ra một thách thức cho người nông dân đồng bằng sông Hồng, đó là tìm mọi cách tăng thu nhập bằng việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mở mang các nghề phụ. Trong điều kiện riêng ở đồng bằng sông Hồng, nhóm xã hội đa nghề sẽ có những khuynh hướng phát triển như sau:

a. Các hộ nông dân ở sâu trong đồng bằng sông Hồng vì muốn tăng thu nhập sẽ giảm dần diện tích trồng màu, chuyển sang trồng cây công nghiệp. Từ đó phát triển nhóm hộ đa nghề chế biến sản phẩm nông nghiệp, ứng dụng các thành tựu của ngành công nghệ sinh học. Hiện nay theo kết quả điều tra của ngành nông nghiệp thì thu nhập bình quân trên đất trồng màu rất thấp, mỗi vụ khoảng 20 ca đở/sào, tương đương với 80.000đ/sào. Vì vậy, khuynh hướng chuyển sang trồng và chế biến cây công nghiệp đặc chủng có cơ hội phát triển. Các huyện Khoái Châu, Văn Giang (Hưng Yên), Hải Hậu (Nam Định), Hưng Hà (Thái Bình) có truyền thống trồng và chế biến tinh dầu bạc hà. Các huyện Yên Mỹ, Phủ Cừ, Kim Động (Hưng Yên); Thuận Thành (Bắc Ninh); Tiên Hưng, Kiến Xương (Thái Bình) có khuynh hướng phát triển nghề trồng và chế biến đay. Đặc biệt nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa đang phát triển mạnh ở một số địa phương có truyền thống lâu đời về nghề này như: Từ Liêm (Hà Nội), Hoài Đức, Đan Phượng (Hà Tây), Duy Tiên, Hải Hậu, Xuân Thủy (Nam Định)...

Theo dự báo của ngành nông nghiệp, diện tích trồng dâu, nuôi tằm trong những năm tới có khả năng tăng gấp 4 - 5 lần so với hiện nay. Ngoài ra, theo tổng kết của ngành ngoại thương, từ năm 1982 - 1992 sản lượng tinh dầu hương nhu của bốn huyện ở Thái Bình và huyện Bát Bạt (Hà Tây) luôn đạt 80 - 120 tấn/ năm chiếm 50% sản lượng toàn quốc và đạt kim ngạch xuất khẩu 480 - 600.000 USD/ năm. Chỉ riêng huyện Gia Viễn (Ninh Bình) hàng năm có thể chế biến và xuất khẩu 50 - 70 tấn hạt thảo quyết minh là loại dược liệu quý có giá trị 140 - 196.000 USD/ năm.

Ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng và Ninh Bình có đường bờ biển dài hơn 300 km. Ngoài sản lượng đánh bắt hải sản hàng năm 33.900 tấn (1993), còn có khả năng và xu thế phát triển nghề nuôi tôm, nghề trồng cói, đi theo là các mặt hàng chế biến từ cói hoặc mây tre, chế biến tôm đông lạnh.

b. Các hộ nông dân ở ven rìa đồng bằng sông Hồng là nơi bán sơn địa nên diện tích đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng cao hơn các vùng nằm sâu trong đồng bằng (324.800 ha), vì vậy họ lại có hướng tăng thu nhập bằng mô hình kinh tế trang trại và nghề sản xuất các vật liệu xây dựng, chế biến lâm đặc sản. Vùng Gián Khuất (Ninh Bình) phát triển rất mạnh các lò nung vôi. Ở Nho Quan (Ninh Bình), Kim Bảng (Hà Nam), Đông Triều (Quảng Ninh), Kiến An (Hải Phòng) có xu hướng phát triển rất mạnh nghề khai thác đá làm đường. Theo thống kê của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông hiện có tới hàng trăm cơ sở tư nhân sử dụng máy nghiền đá công suất nhỏ 1,5 - 3,0 m<sup>3</sup>/ giờ, tổng cộng lên tới 1000 máy. Mỗi cơ sở thu hút 30 - 50 lao động. Ở các vùng Đông Anh, Phúc Thọ (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc); Ba Vì (Hà Tây)..., có xu hướng phát triển nhiều lò gạch, ngói thủ công. Theo tài liệu của Bộ Xây dựng thì sản lượng gạch toàn quốc năm 1996 là 6 tỷ viên, trong đó các xí nghiệp gạch quốc doanh chỉ đạt 3 tỷ viên còn lại là gạch thủ công. Dự kiến đến năm 2000, nhu cầu sẽ lên tới 12 tỷ viên, trong đó có xí nghiệp quốc doanh chỉ có thể cung cấp 7 - 8 tỷ viên, còn lại là gạch thủ công. Hiện nay, một số vùng sâu trong đồng bằng sông Hồng như huyện Thường Tín (Hà Tây); Từ Liêm (Hà Nội); Kim Động (Hưng Yên) cũng phát triển lò gạch thủ công. Tuy nhiên, xét về lâu dài thì xu hướng phát triển nghề, làm gạch thủ công sẽ lớn dần ở các vùng ven rìa đồng bằng sông Hồng và ở trung tâm sẽ thu hẹp dần, chuyển sang nghề khác không bị lệ thuộc vào nguồn tài nguyên đất.

## **2. Xét từ góc độ lịch sử và văn hóa truyền thống**

a. Khi nghiên cứu nhóm xã hội đa nghề, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến cơ cấu gia đình và thiết chế văn hóa làng xã vùng đồng bằng sông Hồng. Ảnh hưởng của Nho giáo và tập quán “trọng nông ức thương” chủ yếu ăn sâu vào lớp người già. Trước đây, ở nông thôn đồng bằng sông Hồng, cơ cấu gia đình gồm 3-5 thế hệ được coi là mẫu hình gia đình hạnh phúc. Trong cơ cấu gia đình ấy, lớp người trẻ muốn thay đổi cách làm ăn, đổi mới tư duy sẽ thường vấp phải rào cản ở lớp người già. Từ 1981 với Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Và đặc biệt vào tháng 4 năm 1986 khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp; tiếp sau đó là một số những Nghị định của Chính phủ mà đặc biệt là Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, cơ cấu gia đình gồm hai thế hệ trở nên phổ biến. Đây là cơ hội để nhóm xã hội đa nghề phát triển. Các chủ hộ trẻ ở độ tuổi 20-40 thoát khỏi sức ép tâm lý và những ràng buộc về lễ hiếu trong làm ăn kinh tế, giúp cho họ phát huy quyền độc lập tự chủ và sáng tạo trong sản xuất, mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hay thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Mặt khác, tâm lý gia đình hai thế hệ luôn mong muốn ở gần ông bà và truyền thống đoàn kết gắn bó tương thân tương ái trong dòng tộc lại chính là nhân tố tích cực quan trọng. Trong làm ăn, họ luôn nhận được những lời khuyên bảo chân tình, động viên kịp thời lúc thành công, an ủi họ những lúc khó khăn hay thất bại. Đôi lúc, trong sản xuất cần mở rộng quy mô hoặc đột phá cách

làm ăn mới, thì sự tham gia đóng góp về nhân lực hay tiền bạc của những người trong dòng tộc có những cơ sở rất vững chắc từ lòng tin và trách nhiệm. Ở đồng bằng sông Hồng, có những thiết chế làng theo dòng tộc như làng Ngô Xá, Đặng Xá, Đỗ Xá, Lương Xá..., là điều kiện giúp cho các chủ doanh nghiệp trẻ có tài có thể nhanh chóng huy động vốn và tuyển chọn nhân lực ở những khâu then chốt như kỹ thuật, tài chính, đối ngoại.

Ở thôn Đa Hội, xã Châu Khê huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) có 1100 hộ, 5700 dân nhưng chỉ có 264 mẫu đất canh tác. Nơi đây có 8 dòng họ (2 họ Trần, 2 họ Phạm, 2 họ Lưu, 1 họ Ngô và 1 họ Đinh). Đa Hội là làng có truyền thống nghề rèn đã mấy trăm năm. Từ năm 1988 do chính sách mở cửa, các dòng họ ganh đua nhau làm giàu, nên trong nội bộ từng dòng họ có những chế ước riêng hỗ trợ nhau về công nghệ, nguồn vốn và khách hàng. Nhờ vậy, họ đã có điều kiện đầu tư máy móc công nghiệp như: máy cắt, máy đột dập, máy hàn, máy kéo rút..., sản phẩm từ chỗ chỉ là cây cuốc thô sơ đã tiến lên các mặt hàng vành bánh và trục xe cải tiến, cửa hoa, cửa cuốn. Theo Báo Pháp luật ngày 4-1-97, cả làng Đa Hội nay đã có 40 hộ diện tử phú và đặc biệt mạnh là họ Trần ở giáp Đông với 1500 xuất đình (con trai).

Hướng phát triển nhóm xã hội đa nghề theo dòng tộc ở các làng quê đồng bằng sông Hồng là một xu thế rất đáng quan tâm vì trong tương lai nó có thể là nhân tố mới cho sự phát triển chung của nông thôn mà vẫn lưu giữ, bảo tồn được bản sắc văn hóa phương Đông.

b. Đồng bằng sông Hồng còn là nơi quy tụ khá đầy đủ, sâu sắc những tinh hoa văn hóa của tộc người Việt. Nhờ vậy, nó có những làng nghề truyền thống nổi tiếng về sự đa dạng và tinh xảo của các nghề thủ công truyền thống. Đây là một thế mạnh riêng của nhóm xã hội đa nghề đồng bằng sông Hồng so với các vùng nông thôn khác. Nhiều sản phẩm ở các làng nghề truyền thống đã trở nên nổi tiếng trên thị trường trong và ngoài nước. Ngành tiểu cơ khí có nghề đúc ở Văn Môn (Bắc Ninh), Ngũ Xá (Hà Nội), Chợ Cồn (Nam Hà). Ngành may - thêu - dệt có nghề may ở Cổ Nhuế (Hà Nội); Tân Lập, Hạ Mỗ, Thường Tín (Hà Tây); Phủ Lý (Nam Hà). Ngành xây dựng và phục chế các di tích cổ có ở Nội Duệ (Bắc Ninh); Chợ Sủi (Hà Nội). Ngành dâu tơ tằm có ở Vạn Phúc (Hà Tây); Duy Tiên, Xuân Hồng, Hành Thiện (Nam Hà). Ngành chế biến nông sản thực phẩm có ở Đa Tốn, Xuân Đỉnh (Hà Nội); Chợ Cống, Sơn Đồng, Đức Giang (Hà Tây)... Qua các điều tra khảo sát tôi xin phân tích một vài ví dụ về các làng nghề truyền thống và ảnh hưởng to lớn của nó đối với xu thế phát triển của nhóm xã hội đa nghề ở đồng bằng sông Hồng:

- Xã Đa Tốn (Gia Lâm, Hà Nội) có nghề hàng xáo chuyên sản xuất chế biến miến, bún khô, bánh đa, bánh phở... Nghề này có khả năng khai thác triệt để những lúc nông nhàn nhưng nông dân rất gắn bó với đồng ruộng. Để rút ngắn thời gian lao động ngoài đồng, giành thời gian cho sản xuất phụ, hiện nay, 64% hộ ở Đa Tốn đã sử dụng máy móc cơ khí như máy cày bừa loại nhỏ, máy tuốt lúa. Nhờ vậy, họ đã rút gọn thời gian canh tác ngoài đồng từ 60 ngày xuống 20-24 ngày trong một vụ lúa. Không những thế, vào lúc nông nhàn các máy kéo được tháo bộ phận cày bừa và lắp thùng xe, sẽ chuyển thành phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm của nghề truyền thống. Như vậy, ở Đa Tốn khai thác tốt tiềm năng của nghề hàng xáo chẳng những làm cho nông dân giàu lên mà ngay từ trong nội bộ nhóm xã hội đa nghề ở đây đã nảy sinh và phát triển nhu cầu cơ giới hóa và trong tương lai không xa, có thể còn có cả nhu cầu tự động hóa.

- Huyện Đan Phượng (Hà Tây) có ba xã liền kề nhau với ba nghề thủ công truyền thống mang nét đặc sắc riêng nhưng lại rất gần nhau về tính chất nghề nghiệp. Nếu phát triển đồng thời cả ba nghề, chúng sẽ hỗ trợ cho nhau và thành một cụm công nghiệp nhẹ của địa phương có sức mạnh cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Xã Hạ Mỗ chuyên về nghề thêu ren, cả xã có tới 2000 tay kim ở tuổi 12 đến 60. Nhiều lão nghệ nhân đã từng đi làm chuyên gia dạy nghề cho các địa phương ở Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh. Sản phẩm thêu ren của xã đã nhiều năm có mặt ở thị trường Đông Âu và Bắc Âu. Ở xã Tân Lập lại có nghề dệt khăn mặt, vải sô và dệt lụa từ lâu

đòi. Trong suốt 30 năm thời bao cấp, đây là một hợp tác xã lớn mạnh, hoạt động như một xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu sang Liên Xô và Đông Âu. Xã Song Phượng chuyên nghề may và trồng dâu nuôi tằm. Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành may thêu đóng góp một tỷ trọng giá trị xuất khẩu rất lớn. Năm 1996, theo báo Hà Nội mới 4-1-1997, tổng kết giá trị xuất khẩu công nghiệp nhẹ cả nước đạt 615 triệu USD thì riêng ngành may thêu chiếm 400 triệu USD. Huyện Đan Phượng với truyền thống của ba xã vừa nêu hoàn toàn có khả năng đầu tư hỗ trợ các hộ nông dân xây dựng thành cụm, nhóm đông đảo các hộ đa nghề, tạo bước ngoặt cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế địa phương. Mặt khác, lực lượng lao động ở ba xã trên sẽ là nguồn cung cấp nhân lực chất lượng cao cho các xí nghiệp may thêu hiện đại của tỉnh và của trung ương. Theo báo cáo tại Hội thảo chương trình CT120 tháng 10-1994 nghiên cứu chương trình hỗ trợ việc làm thì thời gian đào tạo thợ lành nghề như thợ cả, trưởng ca, quản đốc cho xí nghiệp may thêu hiện đại có thể giảm 3-5 lần, đối với những người xuất thân từ làng nghề truyền thống như Hạ Mỗ, Tân Lập, Song Phượng. Theo xu hướng này sẽ có một số hộ tách ra nhập vào nhóm thuần túy công nghiệp hoặc thủ công nghiệp, hoặc ngay trong một hộ sẽ có người phi nông.

- Huyện Duy Tiên (Hà Nam) có ba xã ven sông Hồng có nghề ươm tơ, dệt dũi, kéo sợi nái. Năm 1993 do nhu cầu thị trường, ở đây đã xuất hiện 2114 máy ươm tơ mini loại 6-8 guồng. Sự cải tiến kỹ nghệ ươm tơ bằng máy mini này hoàn toàn do tự phát của một số chủ doanh nghiệp đặt hàng cho các xưởng cơ khí chế tạo theo mẫu Nhật và Trung Quốc. Điều đó chứng tỏ tính năng động, nhạy bén áp dụng tiến bộ khoa học của các chủ doanh nghiệp trẻ vốn xuất thân từ làng nghề truyền thống, đồng thời họ am hiểu sâu sắc đặc tính riêng biệt của nghề ươm tơ. Hiện nay, các lò ươm tơ quy mô nhỏ ở Duy Tiên đã thu hút một lượng lớn nguyên liệu kén tằm ở tận Thiệu Yên (Thanh Hóa), Mai Châu (Sơn La), góp phần thúc đẩy các nhóm hộ đa nghề ở ngoài đồng bằng sông Hồng cũng phát triển theo. Đây là điều rất nên quan tâm nghiên cứu tiếp tục trong thời gian tới để có dự báo đầy đủ hơn về sự phát triển nhóm xã hội đa nghề trên phạm vi toàn quốc.

c. Một đặc điểm khác không thể không xem xét đến ở đồng bằng sông Hồng là tập quán họp chợ theo phiên (3 ngày, 5 ngày hay 7 ngày có một phiên chợ). Vào những ngày chợ phiên, tập trung rất đông người mua bán của nhiều làng xã. Khi kinh tế hàng hóa phát triển, những địa điểm họp chợ này mỗi ngày thêm sầm uất. Theo kết quả điều tra của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Tổng cục Thống kê năm 1995, đồng bằng sông Hồng có 1710 xã thì 1078 xã có chợ được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước và dân cùng làm. Xung quanh các chợ này quần tụ những ngôi nhà của các hộ đa nghề vừa làm nông nghiệp vừa làm dịch vụ thương mại và có nơi cả dịch vụ du lịch, dịch vụ giao thông. Một số vùng như Thổ Tang (Vĩnh Phú); Ninh Hiệp (Gia Lâm); Chợ Cồn (Hải Hậu); Giao Thanh và Hành Thiện (Xuân Thủy); Hữu Bằng (Hà Tây)... đã dần phát triển thành các phố chợ nằm sâu trong làng xã. Ở chợ Thổ Tang năm 1990, vào thời vụ bán đồng trong một ngày có thể nhập vào và phân phối hết 100 tấn phân đạm trị giá 180-200 triệu đồng. Ở Ninh Hiệp xuất hiện chợ vải sầm uất không kém chợ Đồng Xuân trong trung tâm Hà Nội. Tính trung bình ở Ninh Hiệp, mỗi tuần tiếp nhận và phân phối 3 xe ô tô vải Trung Quốc, mỗi xe 150 kiện và mỗi kiện 800-1000m. Chợ Hữu Bằng nằm rất sâu trong nông thôn huyện Thạch Thất nhưng là trung tâm mua bán hàng tiêu dùng và đồ gỗ xuất khẩu đạt giá trị 1500-1600 triệu đồng/tháng. Có thể nói sự phát triển kinh tế hàng hóa luôn đi đôi với quá trình đô thị hóa nông thôn làm thay đổi bộ mặt kinh tế, văn hóa nông thôn đồng bằng sông Hồng. Và cũng làm phong phú thêm diện mạo nhóm xã hội đa nghề nghiệp trong quá trình vận động chuyển hóa của nó vào những thập niên đầu thế kỷ 21.